| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phan Văn Tư và bà Lê Thị Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Chiên, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Kim Th; địa chỉ: Thôn S, xã Q, tỉnh Lâm Đồng – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Thiên T; địa chỉ: Thôn S, xã Q, tỉnh Lâm Đồng – *Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt*.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-4-2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim Th trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Thiên T đăng ký kết hôn ngày 19-3-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng*) trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống bình thường nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thiên T1 (*sinh ngày 16-02-2016*) và cháu Nguyễn Trần Kim T2 (*sinh ngày 09-9-2019*). Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02

con chung đến tuổi thành niên; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình giải quyết vụ án,*** Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Thiên T nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh T.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:***

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 69, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 01/2024/HĐTP ngày 16-5-2024; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim Th:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim Th được ly hôn với anh Nguyễn Thiên T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thiên T1 (*sinh ngày 16-02-2016*) và cháu Nguyễn Trần Kim T2 (*sinh ngày 09-9-2019*) cho chị Trần Thị Kim Th tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về án phí: Chị Trần Thị Kim Th phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại thôn S, xã Q, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[1.3]. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Th và anh T đăng ký kết hôn ngày 19-3-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng*) trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt; chị Th xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau nên không thể hòa giải đoàn tụ và cương quyết ly hôn. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Th và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc ly hôn với anh T.

[2.2]. Về con chung:

[2.2.1]. Chị Th xác định anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thiên T1 (*sinh ngày 16-02-2016*) và cháu Nguyễn Trần Kim T2 (*sinh ngày 09-9-2019*). Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi thành niên.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại văn bản ghi nhận ý kiến ngày 25-7-2025, cháu T1 trình bày sau khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ; đối với cháu T2 còn nhỏ và là con gái nên cũng cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T về việc có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con hay không. Mặt khác, kết quả xác minh thể hiện anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, chỉ thỉnh thoảng mới về địa phương xong lại đi. Ngoài ra, từ sau khi anh chị ly thân đến nay thì cháu T1 và cháu T2 đều sống với chị Th và được chị Th nuôi dạy tốt, khỏe mạnh. Do đó, để đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất của các con, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, tạo điều kiện cho hai anh em được cùng nhau sinh hoạt, học tập, không bị chia rẽ gây ảnh hưởng đến tâm lý của các con, đồng thời cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu T1 muốn được sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T1 và cháu T2 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp.

[2.2.2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th xác định chị đủ khả năng kinh tế để nuôi con và không yêu cầu anh Tài phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*); áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim Th:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim Th được ly hôn với anh Nguyễn Thiên T.

1.2. Về con chung:

1.2.1. Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thiên T1 (*sinh ngày 16-02-2016*) và cháu Nguyễn Trần Kim T2 (*sinh ngày 09-9-2019*) cho chị Trần Thị Kim Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Kim Th không yêu cầu anh Nguyễn Thiên T phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về án phí:** Chị Trần Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 29-4-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Lâm Đồng*).

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- UBND xã Q, tỉnh Lâm Đồng (*đăng ký số 20/2015 ngày 19-3-2015 tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên, đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Mỹ Trang**